

Bản án số: 146/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2025.
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Minh Khôi.

+ Bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố Huế: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố H, số E L, xã P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐ-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy H, sinh năm 1986; căn cước công dân số 046186007704, cấp ngày 02/10/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Đại D sinh năm 1985; căn cước công dân số 046085006188, cấp ngày 02/8/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy H đề ngày 05/5/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy H và anh Võ Đại D yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã H, thành phố H) vào ngày 07/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống, thường

xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Chị H và anh D sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm, chăm sóc gì nhau, cuộc sống của ai thì tự người đó lo liệu. Nhận thấy không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn cơ hội để hàn gắn nữa nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Võ Đại D.

Về con chung: Quá trình sống chung, chị H và anh D có ba người con chung là Võ Thị Thùy V, sinh ngày 20/02/2007; Võ Thùy Lam L, sinh ngày 05/5/2009 và Võ Đại Gia H1, sinh ngày 25/4/2016. Cháu V đã đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu L và cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện chị H đang có cửa hàng buôn bán nhỏ, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, đảm bảo cho việc nuôi con nên không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản sao căn cước công dân của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Võ Đại D về việc chị Phạm Thị Thùy H xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Nhưng quá thời hạn luật định anh D không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2025, bà Nguyễn Thị H2 là mẹ ruột của anh Võ Đại D cho biết gia đình đã nhận được các Thông báo do Tòa án gửi và đã giao lại cho anh Võ Đại D tuy nhiên anh D bận công việc cá nhân nên không đến Tòa án làm việc theo như Thông báo của Tòa án. Bà H2 cung cấp thêm, sau khi kết hôn, anh D và chị H về sống chung với vợ chồng bà H2. Đến thời điểm dịch Covid thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, có cãi vã nhau. Gia đình có hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Chị H và anh D sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Từ đó chị H về nhà ngoại sinh sống, anh D thì sống ở nhà của vợ chồng bà H2. Khi Tòa án gửi Thông báo thì anh D cũng có nói với gia đình là đồng ý theo yêu cầu chị H, đồng ý ly hôn và giao cháu L, cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H cho biết, anh Võ Đại D và chị Phạm Thị Thùy H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã H, thành phố H) vào ngày 07/9/2006. Phía địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm tốt nhất quyền lợi của trẻ em.

Tại đơn đơn đề nghị làm việc và xét xử vắng mặt đề ngày 15/9/2025, anh Võ Đại D trình bày do đang đi làm xa nên không thể đến Tòa án để tham gia

phiên tòa được. Hơn nữa, giữa anh D và chị H không thể có cơ hội hàn gắn được nữa, vợ chồng sống ly thân đã lâu không thể nào về sống chung được. anh D đồng ý với các yêu cầu theo đơn ly hôn của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2025, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do nguyên đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 23/9/2025, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Ngày 19/9/2025, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công việc không tham gia phiên tòa được.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố H phát biểu quan điểm

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 28, điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy H, cho chị H được ly hôn với anh D, giao 02 người con chung là Võ Thùy Lam L, sinh ngày 05/5/2009 và Võ Đại Gia H1, sinh ngày 25/4/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228, khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy H và anh Võ Đại D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã H, thành phố H) vào ngày 07/9/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp. Quá trình hôn nhân giữa chị H và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình nghĩa vợ chồng đã hết. Anh Dũng cũng đồng ý

với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Điều đó khẳng định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thùy H.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thùy H và anh Võ Đại D có 03 người con chung là Võ Thị Thùy V, sinh ngày 20/02/2007; Võ Thùy Lam L, sinh ngày 05/5/2009 và Võ Đại Gia H1, sinh ngày 25/4/2016.

Đối với cháu Võ Thị Thùy V, hiện nay đã trên 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 02 người con chung Võ Thùy Lam L và Võ Đại Gia H1, hiện nay đang sống cùng với chị H, anh D và chị H đều thống nhất ý kiến giao cháu L và cháu H1 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thùy H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 220, Điều 227; Điều 228, khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy H được ly hôn anh Võ Đại D.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thùy Lam L, sinh ngày 05/5/2009 và Võ Đại Gia H1, sinh ngày 25/4/2016 cho chị Phạm Thị Thùy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Võ Đại Gia H1 và cháu Võ Thùy Lam L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Võ Đại D không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Thị Thùy V, sinh ngày 20/02/2007 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên chị H và anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thùy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số: 0002095 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H - nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Huế). Chị H đã nộp đủ và không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Hưng Lộc,
Số 19, ngày 07/9/2006;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền